

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 26-4-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa
2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 17-10-2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc Đ1**, sinh năm 1986 (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 7 X, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn Đ2**, sinh năm 1982 (vắng mặt, đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 02/2017/QĐDS-ST ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Minh)

Địa chỉ: ấp 7 X, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/8/2017, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt không đề ngày tháng năm 2017, đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải ngày 01/3/2018 nguyên đơn Nguyễn Ngọc Đ1 trình bày:*

Chị và anh Huỳnh Văn Đ2 được cha mẹ hai bên tác hợp tổ chức hôn nhân tháng 3/2006, đến ngày 29/8/2006 đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã ĐH cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau đó vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng khoảng 04 tháng thì cất nhà ở tạm trên đất cha mẹ ruột của chị. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc chỉ được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, cho đến cuối năm 2007 vợ chồng đã thật sự ly thân nhau và anh Đ2 đã bỏ nhà đi làm ăn xa, thỉnh thoảng vài tháng có về nhà một lần. Đến tháng 11 năm 2011 anh Đ2 bỏ địa phương đi biệt tăm, biệt tích cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Đ2.

Về con: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/01/2007 hiện đang sống với chị.

Về tài sản và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ2;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/01/2007, không yêu cầu anh Đ2 cấp dưỡng nuôi con cùng chị;
3. Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ1 vắng mặt tại phiên tòa lần hai, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn Đ2 vắng mặt tại phiên tòa lần hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn Nguyễn Ngọc Đ1 trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh Đ2 trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc Đ1 được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ2; về quan hệ nuôi con chung: Giao Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/01/2007 là con chung của hai người cho chị Đ1 tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ2 không cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đ1; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn anh Huỳnh Văn Đ2 biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ1. Nhưng bị đơn anh Đ2 không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn chị Đ1, bị đơn anh Đ2 nhưng chị Đ1, anh Đ2 vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Ngày 01/3/2018 Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của nguyên đơn chị Đ1. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “.....*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn anh Huỳnh Văn Đ2, nhưng bị đơn anh Đ2 vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Đ2, nhưng bị đơn anh Đ2 vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Đ1 và anh Huỳnh Văn Đ2 khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện AM cấp giấy chứng nhận ký kết hôn vào ngày 29/8/2006. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ1 và anh Đ2 được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Đ1 thấy rằng: Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, quá trình chung sống giữa chị Đ1, anh Đ2 đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, cụ thể đã thật sự ly thân nhau và anh Đ2 bỏ địa phương đi biệt tích từ ngày 06/01/2012 không biết tin tức nên chị Đ1 đã có đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Huỳnh Văn Đ2 và được Tòa án chấp nhận yêu cầu này của chị ra quyết định số 03/2016/QĐST-VDS ngày 04/7/2016 thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Huỳnh Văn Đ2. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo tìm kiếm theo quy định nhưng vẫn không có tin tức của anh Đ2. Sau đó chị Đ1 tiếp tục có đơn yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh Đ2 và Tòa án cũng đã xem xét chấp nhận yêu cầu này của chị nên đã ban hành quyết định số 02/2017/QĐDS-ST ngày 13/7/2017 tuyên bố anh Đ2 mất tích và đến nay quyết

định cũng đã có hiệu lực pháp luật, nhưng anh Đ2 vẫn không trở về hay có ý kiến phản hồi đối với các quyết định nêu trên.

Từ những phân tích, nhận định trên thấy rằng, anh Đ2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho quan hệ hôn nhân giữa chị Đ1 và anh Đ2 không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ1 đối với anh Đ2 theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Theo chị Đ1, vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/01/2007, từ khi ly thân đến nay con do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con Huỳnh Thị Huỳnh N, không yêu cầu anh Đ2 cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn. Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho anh Đ2, nhưng anh Đ2 vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu của chị Đ1 và cũng không có yêu cầu gì khác. Hơn nữa, cháu Huỳnh Thị Huỳnh N cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (chị Đ1, anh Đ2) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Đ1. Vì vậy, xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị Đ1 là phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh Thị Huỳnh N và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ1, giao cháu Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/01/2007 cho chị Đ1 tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị và anh Đ2 ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Ngọc Đ1 không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo nguyên đơn chị Đ1, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của chị Đ1 về tài sản và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để anh Đ2 biết, nhưng đến nay anh Đ2 không có ý kiến gì phản bác ý kiến của chị Đ1 và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (chị Đ1, anh Đ2) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết đến phần này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ1 có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị Đ1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc Đ1 và anh Huỳnh Văn Đ2.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 05/01/2007 là con chung của chị Nguyễn Ngọc Đ1 và anh Huỳnh Văn Đ2 cho chị Đ1 trực tiếp nuôi dưỡng (*đúng theo nguyện vọng của Huỳnh Thị Huỳnh N và hiện Huỳnh N đang sống với chị Đ1*), anh Đ2 không cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đ1 sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000484 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị Đ1 đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/4/2018); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ĐH;
- Lưu (HSVA, VPTA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mỹ Linh